

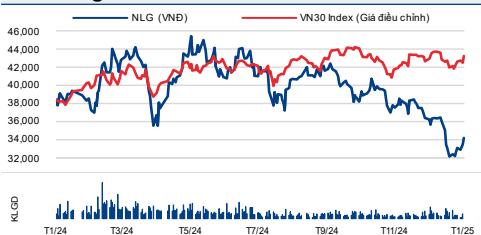
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ41,200
Tiềm năng tăng/giảm: 20.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	34,200
Mã Bloomberg	NLG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,150-45,381
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	33,363
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	13,097
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	523
Sig CP lưu hành (tr.đv)	383
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	191
Sig CP NN được mua (tr.đv)	25.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	43.3%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	Chủ tịch, ng liên quan (17.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,181	5,050	6,019
EBITDA đc (tỷ đồng)	659	1,017	1,438
LNTT (tỷ đồng)	968	1,135	1,243
LNT ĐC (tỷ đồng)	456	503	539
FCF (tỷ đồng)	(2,213)	1,427	(967)
EPS ĐC (đồng)	1,186	1,305	1,397
DPS (đồng)	200	500	500
BVPS (đồng)	24,386	25,247	26,229
T.trưởng EBITDA (%)	(26.2)	54.2	41.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(13.2)	10.1	7.09
Tăng trưởng DPS (%)	(76.7)	150	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.7	20.1	23.9
Tỷ suất LNTT (%)	30.4	22.5	20.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	15.2	10.6	9.49
Tỷ lệ LN trả CT (%)	15.9	36.1	33.7
Nợ thuần/VCSH (%)	78.7	81.0	73.0
ROAE (%)	5.27	5.58	5.76
ROACE (%)	3.29	5.20	7.20
EV/doanh thu (lần)	5.26	3.04	2.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	25.4	15.1	11.5
P/E ĐC (lần)	28.8	26.2	24.5
P/B (lần)	1.40	1.35	1.30
Lợi suất cổ tức (%)	0.58	1.46	1.46

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

NLG là công ty tiên phong trong việc phát triển nhà ở bình dân tại Việt Nam, tập trung vào TP.HCM và các vùng phụ cận.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung
Trưởng phòng, Ngành Bất Động Sản
trung.ph@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA
Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q4/2024: Lợi nhuận sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 497 tỷ đồng, tăng 71% so với cùng kỳ, trên doanh thu 6.369 tỷ đồng, tăng 3 lần so với cùng kỳ. Lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 512 tỷ đồng, tăng trưởng 6%, hoàn thành 96% dự báo cho cả năm của HSC.
- KQKD Q4/2024 chủ yếu được thúc đẩy bởi dự án Akari City và the Cần Thơ. Lượng tiền mặt tăng vọt nhờ đẩy mạnh hoạt động bàn giao căn hộ và hoạt động đầu tư ngắn hạn đạt 6,3 nghìn tỷ đồng, tăng 153% so với quý trước. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH giảm xuống mức 5% từ 31% tại thời điểm cuối Q3/2024.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu. NLG đang giao dịch ở mức chiết khấu 38% so với ước tính RNAV, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 33%.

Sự kiện: Công bố lợi nhuận Q4/2024

NLG công bố lợi nhuận Q4/2024, cho thấy lợi nhuận thuần đạt 497 tỷ đồng (tăng 71% so với cùng kỳ) trên doanh thu 6.369 tỷ đồng (tăng 3 lần so với cùng kỳ). Doanh thu cao hơn so với dự báo nhưng chi phí bán hàng & quản lý và chi phí tài chính cũng cao hơn dự báo, dẫn đến tác động thuần là lợi nhuận thuần sát với dự báo của chúng tôi.

Doanh thu mảng kinh doanh BĐS đạt 6.267 tỷ đồng, tăng 3 lần so với cùng kỳ, cao hơn nhiều so với dự báo của chúng tôi do NLG đẩy mạnh hoạt động bàn giao căn hộ tại dự án Akari City (9ha, TP.HCM – 5.178 tỷ đồng, và các căn hộ thấp tầng tại dự án the Cần Thơ (43 ha, Cần Thơ, – 839 tỷ đồng). Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 43%, cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 46%, một phần là do tỷ lệ đóng góp vào doanh thu chung của phân khúc căn hộ cao tầng cao hơn kỳ vọng.

Trong Q4/2024, chi phí bán hàng & quản lý tăng 153% so với cùng kỳ lên 898 tỷ đồng. Trong đó, chi phí bán hàng tăng 242% so với cùng kỳ lên 639 tỷ đồng – phù hợp với tốc độ tăng trưởng của doanh thu thuần. Chi phí quản lý tăng 54,7% so với cùng kỳ lên 259 tỷ đồng, cao hơn dự báo của chúng tôi, chủ yếu do chi phí dự phòng 60 tỷ đồng tại dự án Phú Đức. Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu ở mức 14,1% trong Q4/2024, thấp hơn mức 21,7% trong Q4/2023, nhờ doanh thu tăng mạnh trong quý.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, NLG

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	So với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1,636	6,369	289.3%	3,181	7,196	126.2%
Lợi nhuận gộp	692	2,725	293.8%	1,562	3,068	96.4%
Lãi/(lỗ) tài chính	41	(114)	-379.6%	(58)	5	-109.2%
Chi phí BH&QL	(354)	(898)	153.4%	(980)	(1,390)	41.8%
Thu nhập từ công ty LD, LK	213	16	-92.7%	418	100	-76.2%
Thu nhập thuần khác	19	18	-4.6%	27	56	110.2%
LNST	482	1,327	175.5%	800	1,382	72.6%
Lợi nhuận thuần	290	497	71.4%	484	512	5.9%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	15	15	-5%	21	45	110%
Lợi nhuận thuần trừ các khoản mục ròng không thường xuyên	274	482	75.7%	462	467	1.1%

Nguồn: HSC

Doanh thu HĐ tài chính Q4/2024 giảm 69% xuống 40 tỷ đồng do trong Q4/2023, Công ty có ghi nhận doanh thu từ việc bán một lô đất ở quận 9 (101 tỷ đồng). Trong khi đó, chi phí tài chính Q4/2024 tăng 76% lên 153 tỷ đồng, đa phần do các khoản chi phí tài chính khác 63 tỷ đồng ghi nhận trong Q4/2024, trong khi Công ty không ghi nhận khoản chi phí này trong Q4/2023. Do đó, NLG ghi nhận lỗ tài chính 114 tỷ đồng trong Q4/2024, so với lợi nhuận HĐ tài chính 41 tỷ đồng trong Q4/2023. Kết quả này cao hơn dự báo của chúng tôi.

Nhìn chung, NLG kết thúc năm 2024 với doanh thu 7.196 tỷ đồng, tăng trưởng 126% và lợi nhuận thuần 512 tỷ đồng, tăng trưởng 6%. Chúng tôi lưu ý rằng NLG không hợp nhất doanh thu từ dự án Mizuki (26 ha, TP.HCM, NLG sở hữu 50% cổ phần) trong báo cáo, nên dẫn đến sự chênh lệch về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận thuần năm 2024 so với năm 2023 – dự án Mizuki tạo ra 926 tỷ đồng doanh thu và 100 tỷ đồng lợi nhuận thuần trong năm 2024, so với 4.162 tỷ đồng và 418 tỷ đồng trong năm 2023.

Doanh số bán nhà sát với dự báo

Doanh số bán nhà đạt 1.680 tỷ đồng trong Q4/2024, giảm 22% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ đóng góp từ dự án the Cần Thơ (835 tỷ đồng), Southgate (347 tỷ đồng), Akari City (241 tỷ đồng), Mizuki (127 tỷ đồng). Doanh số bán nhà năm 2024 đạt 5.204 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ, đa phần sát với dự báo của HSC.

Bảng CĐKT: Dòng tiền mạnh

Tiền và tương đương tiền tăng mạnh 153% trong Q4/2024 lên 6.235 tỷ đồng, cao hơn so với 2.466 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2024 và 3.591 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2023. Đây là kết quả của việc đẩy mạnh hoạt động bàn giao nhà trong Q4/2024. Thông thường NLG thu 45% giá trị của căn nhà tại thời điểm bàn giao.

Trong khi đó, dư nợ của Công đi ngang trong Q4/2024 ở mức 6.961 tỷ đồng. Theo đó, dư nợ thuần giảm mạnh xuống chỉ còn 726 tỷ đồng, so với 4.124 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2024 và 2.156 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2023. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH giảm xuống chỉ còn 5%, so với 31% tại thời điểm cuối Q3/2024 và 19% tại thời điểm cuối năm 2023, rất tích cực theo quan điểm của chúng tôi.

Duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị và giữ nguyên giá mục tiêu. NLG đang giao dịch ở mức chiết khấu 38% so với ước tính RNAV, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 33%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	4,339	3,181	5,050	6,019	5,350
Lợi nhuận gộp	1,984	1,562	2,241	2,841	2,649
Chi phí BH&QL	(1,155)	(980)	(1,302)	(1,443)	(1,350)
Thu nhập khác	28.8	26.6	37.6	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	858	608	977	1,398	1,300
Lãi vay thuần	187	(58.5)	68.2	(171)	(171)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	24.5	418	90.1	16.1	48.3
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	1,070	968	1,135	1,243	1,177
Chi phí thuế TNDN	(204)	(168)	(209)	(245)	(223)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(309)	(317)	(393)	(426)	(368)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	556	484	533	571	586
Lợi nhuận thuần ĐC	524	456	503	539	553
EBITDA ĐC	894	659	1,017	1,438	1,340
EPS (đồng)	1,448	1,257	1,384	1,482	1,521
EPS ĐC (đồng)	1,364	1,186	1,305	1,397	1,434
DPS (đồng)	859	200	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	384	385	385	385	385
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	384	385	385	385	385
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	384	385	385	385	385

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	3,773	2,540	3,421	2,601	2,124
Đầu tư ngắn hạn	987	1,050	1,050	1,050	1,050
Phải thu khách hàng	3,570	3,634	4,545	4,818	4,493
Hàng tồn kho	14,828	17,348	16,892	16,688	17,908
Các tài sản ngắn hạn khác	330	736	883	928	974
Tổng tài sản ngắn hạn	23,489	25,309	26,791	26,085	26,549
TSCĐ hữu hình	66.6	63.8	61.0	58.2	55.4
TSCĐ vô hình	87.1	82.4	77.7	73.0	68.2
Bất động sản đầu tư	236	299	288	277	266
Đầu tư dài hạn	2.41	2.41	2.41	2.41	2.41
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,034	2,217	2,464	2,663	3,448
Tài sản dài hạn khác	1,173	628	843	1,066	1,368
Tổng tài sản dài hạn	3,599	3,293	3,736	4,139	5,208
Tổng cộng tài sản	27,088	28,602	30,526	30,224	31,757
Nợ ngắn hạn	1,804	2,402	2,459	2,569	2,796
Phải trả người bán	981	1,175	1,019	1,153	980
Nợ ngắn hạn khác	2,468	2,246	2,212	2,318	2,434
Tổng nợ ngắn hạn	8,851	9,887	11,664	10,273	10,771
Nợ dài hạn	3,375	3,705	3,114	3,426	3,758
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1,050	1,049	1,049	1,049	1,049
Nợ dài hạn khác	476	380	380	353	294
Tổng nợ dài hạn	4,902	5,135	4,544	4,828	5,102
Tổng nợ phải trả	13,773	15,074	16,260	15,153	15,925
Vốn chủ sở hữu	8,990	9,383	9,729	10,107	10,500
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,325	4,145	4,538	4,964	5,332
Tổng vốn chủ sở hữu	13,315	13,528	14,267	15,071	15,833
Tổng nợ phải trả và VCSH	27,088	28,602	30,526	30,224	31,757
BVPS (đ)	23,407	24,386	25,247	26,229	27,249
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,406	3,567	2,153	3,394	4,430

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	858	608	977	1,398	1,300
Khấu hao	(35.6)	(51.0)	(40.1)	(40.1)	(40.1)
Lãi vay thuần	187	(58.5)	68.2	(171)	(171)
Thuế TNDN đã nộp	(211)	(333)	(209)	(245)	(223)
Thay đổi vốn lưu động	(1,519)	(2,116)	1,118	(1,615)	(671)
Khác	(77.5)	99.2	0	(27.6)	(58.3)
LCT thuần từ HKKD	(1,031)	(2,186)	1,663	(723)	117
Đầu tư TS dài hạn	(73.0)	(26.9)	(236)	(245)	(324)
Góp vốn & đầu tư	(810)	(880)	(157)	(183)	(736)
Thanh lý	1,181	233	230	0	14.8
Khác	154	896	101	102	85.3
LCT thuần từ HĐĐT	452	222	(62.3)	(326)	(960)
Cổ tức trả cho CSH	(521)	(187)	(192)	(193)	(193)
Thu từ phát hành CP	187	0	5.72	0	0
Tăng/giảm nợ	1,574	918	(534)	421	560
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	1,241	731	(721)	229	367
Tiền & tương đương tiền đầu kì	3,112	3,773	2,540	3,421	2,601
LCT thuần trong kỳ	662	(1,233)	880	(820)	(476)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	3,773	2,540	3,421	2,601	2,124
Dòng tiền tự do	(1,104)	(2,213)	1,427	(967)	(207)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.7	49.1	44.4	47.2	49.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.6	20.7	20.1	23.9	25.0
Tỷ suất LNT (%)	12.8	15.2	10.6	9.49	11.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.1	17.3	18.4	19.7	18.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	(16.6)	(26.7)	58.7	19.2	(11.1)
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(28.3)	(26.2)	54.2	41.4	(6.82)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(48.5)	(12.9)	10.2	7.17	2.61
Tăng trưởng EPS (%)	(55.6)	(13.2)	10.1	7.09	2.61
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(56.0)	(13.1)	10.1	7.09	2.61
Tăng trưởng DPS (%)	38.8	(76.7)	150	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	59.3	15.9	36.1	33.7	32.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.21	5.27	5.58	5.76	5.69
ROACE (%)	4.81	3.29	5.20	7.20	6.35
Vòng quay tài sản (lần)	0.17	0.11	0.17	0.20	0.17
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(1.20)	(3.59)	1.70	(0.52)	0.09
Số ngày tồn kho	2,298	3,910	2,195	1,917	2,420
Số ngày phải thu	553	819	591	553	607
Số ngày phải trả	152	265	132	132	132
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.0	78.7	81.0	73.0	83.3
Nợ/tài sản (%)	31.2	34.7	37.0	33.0	34.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	10.4	N/a	8.17	7.59
Nợ/EBITDA (lần)	9.45	15.0	11.1	6.94	8.11
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.65	2.56	2.30	2.54	2.46
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.35	5.26	3.04	2.75	3.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.3	25.4	15.1	11.5	13.1
P/E (lần)	23.6	27.2	24.7	23.1	22.5
P/E ĐC (lần)	25.1	28.8	26.2	24.5	23.9
P/B (lần)	1.46	1.40	1.35	1.30	1.26
Lợi suất cổ tức (%)	2.51	0.58	1.46	1.46	1.46

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn